

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DSST
Ngày 29-7-2021
V/v: Tranh chấp Quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò
2. Bà Hoàng Thị Gấm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn K Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020; về tranh chấp quyền sử dụng đất theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm 1941 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Danh Đ, sinh năm 1937 (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông Nguyễn Danh C, sinh năm 1963 và bà Trần Thị L, sinh năm 1965 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu 01 T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Ông Nguyễn Danh N, sinh năm 1931

Địa chỉ: Khu T, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1931

Địa chỉ: Khu 1 Q, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2020, tại bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị K có quan điểm trình bày: Gia đình bà được ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998, tổng diện tích các loại đất là 2881m²; trong đó có thửa đất số 974; tờ bản đồ số 08, tại gò C, khu 01 T, xã T, diện tích 144m².

Trong khoảng thời gian từ năm 2004 đến 2006, khi bà đi làm vắng nhà, thì ông Nguyễn Danh Đ là người có quan hệ họ hàng ở cùng xóm đến hỏi con trai bà là Nguyễn Danh C là cho để nhờ một ngôi mộ xây (mộ đã cải táng) của gia đình ông Đ trên thửa đất số 974, tờ bản đồ số 08 và được con trai bà đồng ý cho đặt một ngôi mộ, nhưng sau đó gia đình ông Đ lại đặt cả ba ngôi mộ trên thửa đất này. Như vậy là ông Đ đã không thực hiện đúng thỏa thuận tại thời điểm hỏi con trai bà; trong khi đó, ông Đ cũng không hỏi bà về việc xin để nhờ ngôi mộ này; đến khoảng năm 2006, khi bà đi làm về thì bà mới biết gia đình ông Đ xây ba ngôi mộ trên thửa đất này của gia đình bà.

Năm 2019, bà đã yêu cầu ông Đ phải chuyển cả ba ngôi mộ của gia đình ông Đ ra khỏi đất, để trả lại đất cho bà nhưng ông Đ không đồng ý.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Đ phải di dời hai ngôi mộ ông Đ không hỏi để nhờ đi nơi khác; còn một ngôi mộ ông C đồng ý cho để nhờ thì ông Đ phải di chuyển về góc giáp với bờ ruộng của gia đình bà. Nếu ông Đ không đồng ý thì phải thanh toán tiền đất hai ngôi mộ ông Đ không hỏi để nhờ nhưng đã có tình xây trên đất của gia đình bà, số tiền bồi thường là 10.000.000đồng/1 ngôi mộ x 2 ngôi mộ = 20.000.000đồng. Đối với ngôi mộ còn lại bà không lấy tiền, nhưng vẫn phải di chuyển về một góc giáp với bờ ruộng của bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 9 năm 2020, bị đơn ông Nguyễn Danh Đ có quan điểm trình bày: Gia đình ông bố đẻ có hai vợ, đều đã chết từ lâu; khoảng năm 2004, gia đình ông gồm các con, cháu sau khi bàn bạc thống nhất đổi mộ của bố, mẹ ông nên anh trai ông là Nguyễn Danh B đã đến nhà bà Trần Thị K, ở cùng khu, đã gặp và hỏi bà K cho ông B để nhờ ba ngôi mộ sau khi cải táng của bố mẹ ông vào thửa đất của gia đình bà K và được bà K đồng ý; vì vậy, gia đình ông đã cải táng ba ngôi mộ của bố mẹ ông về xây dựng trên một góc đất của thửa này của gia đình bà K và ổn định từ đó đến năm 2018, gia đình bà K không có ý kiến gì. Đến cuối năm 2019, bà K lại đến nhà ông, yêu cầu ông phải chuyển ba ngôi mộ của bố, mẹ để trả lại đất cho bà K thì ông không nhất trí. Bởi vì, trước đây bà K đã đồng ý cho ông B để ba ngôi mộ trên đất này, nay bà K lại kiện ông yêu cầu chuyển ba ngôi mộ này thì ông cho rằng, đó là việc

của gia đình ông, ông không có quyền quyết định nên không nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà K, ông đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà K theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 10 năm 2020, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Danh C có quan điểm trình bày: Ông có quan hệ là con đẻ duy nhất và ở cùng nhà của bà Trần Thị K. Khoảng năm 2004 đến năm 2005, ông Nguyễn Danh X (là con đẻ của ông Nguyễn Danh Đ) có đến nhà ông và gặp trực tiếp ông, có đặt vấn đề xin để nhờ ngôi mộ vào diện tích đất tại khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ của mẹ ông do ông trực tiếp quản lý thì ông đồng ý cho ông X để một ngôi mộ vào diện tích đất này; sau đó ông X đã chuyển ba ngôi mộ đến và xây dựng ba ngôi mộ trên diện tích đất này.

Nay bà K khởi kiện ông Nguyễn Danh Đ , yêu cầu ông Đ phải di chuyển ba ngôi mộ này để trả lại đất cho bà K thì ông có quan điểm như sau: Nếu ông Đ đồng ý di chuyển ba ngôi mộ ra khỏi đất theo yêu cầu khởi kiện của bà K thì ông sẽ hỗ trợ một phần chi phí di chuyển ba ngôi mộ này. Còn nếu ông Đ không đồng ý di chuyển ba ngôi mộ này thì đề nghị ông Đ phải thanh toán tiền đất cho bà K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 02 năm 2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Danh X có quan điểm trình bày: Ông có quan hệ là con trai ông Nguyễn Danh Đ và hiện nay ông đang ở cùng nhà với ông Đ . Ông có quan điểm không gặp ông C để xin để nhờ ba ngôi mộ trên đất của bà K như bà K và ông C đã trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đoàn Thị L (là vợ ông C) và các con bà L không hợp tác làm việc, cho rằng việc khởi kiện của bà K đối với ông Đ không liên quan đến bà nên bà từ chối tham gia làm việc và không cung cấp thông tin cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 3, Điều 5 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 45; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K đề nghị ông Nguyễn Danh Đ phải chuyển ba ngôi mộ để trả lại quyền sử dụng 5,7m² đất, thuộc thửa số 974, tờ bản đồ số 08 tại khu 01 T (tức khu T), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho bà Trần Thị K và ông Nguyễn Danh Đ không phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho bà K.

Về án phí: Bà K là người cao tuổi được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp:* Bà K khởi kiện yêu cầu ông Đ phải di chuyển 03 ngôi mộ để trả lại đất cho bà K là tranh chấp về đòi quyền sử dụng đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc để làm rõ sự L quan của các con ông C, bà L là anh Nguyễn Danh T, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Danh K để đưa những người này là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, quá trình làm việc thì cả anh T, chị T và anh K đều xác định không có liên quan gì về việc khởi kiện của bà K và cũng không tham gia làm việc bằng văn bản; Do đó, Tòa án không đưa những người này tham gia tố tụng tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K yêu cầu ông Nguyễn Danh Đ phải di chuyển 02 ngôi mộ ra khỏi thửa đất và 01 ngôi mộ chuyển đến một góc ruộng, để trả lại 5,7m² đất thuộc thửa số 974, tờ bản đồ số 08 tại khu 01 T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ, nếu không di chuyển hai ngôi mộ bà yêu cầu di chuyển ra khỏi thửa đất thì phải thanh toán cho bà số tiền 20.000.000đồng thấy rằng:* Căn cứ lời trình bày của bà K, ông C, ông X và ông Đ thì không thể xác định được ai là người trực tiếp hỏi để nhờ ba ngôi mộ trên đất của bà K. Tuy nhiên, ông C thừa nhận tại thời điểm khoảng từ năm 2004 đến năm 2006, khi gia đình ông Đ đặt mộ trên đất này thì ông Nguyễn Danh X đến hỏi ông để nhờ và ông là người đồng ý cho để nhờ. Mặc dù ông C trình bày chỉ cho để nhờ một ngôi mộ; tuy nhiên, trên thực tế, gia đình ông Đ đã xây cả ba ngôi mộ trên thửa đất này cùng thời điểm nhưng ông C cũng không có ý kiến gì. Do đó, phải xác định ông C cũng đồng ý để ông Đ đặt ba ngôi mộ trên đất này.

Căn cứ lời trình bày của các bên thể hiện: Mặc dù bà K không trực tiếp là người đồng ý cho xây mộ nhưng bà K cũng thừa nhận bà biết ba ngôi mộ được xây dựng từ năm 2006, nhưng tại thời điểm đó bà cũng không có ý kiến gì. Đó

đó, phải xác định bà K cũng đồng ý để gia đình ông Đ để ba ngôi mộ của bố mẹ ông Đ trên thửa đất này. Vì vậy, nay bà K khởi kiện cho rằng chỉ đồng ý cho gia đình ông Đ để một ngôi mộ trên đất này là không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã T về phong tục, tập quán của địa phương đối với việc chôn cất người chết và quy hoạch chôn cất mộ người chết tại khu T (tức khu 01, T), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ đã xác định được: Phong tục tập quán chôn cất người chết tại địa phương xã T thì người chết được chôn hình thức địa táng (chôn người chết xuống đất), sau một thời gian thì bốc mộ (cải táng) thì tiến hành xây dựng lại mộ kiên cố bằng gạch, bê tông, xi măng kiên cố để ổn định, không tiến hành đổi lại mộ nữa.

Trong khi gia đình ông Đ xây mộ sau khi cải táng và được để trên đất của hộ bà K, nên xác định gia đình bà K đã đồng ý để mộ lâu dài không có thời hạn phải di chuyển mộ ra khỏi đất này. Nên không thể chấp nhận yêu cầu của bà K để buộc ông Đ phải chuyển ba ngôi mộ theo yêu cầu của bà K được. Cần phải áp dụng tập quán của địa phương xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ để giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà K.

Tại thời điểm khi xây mộ, ông C không thỏa thuận về việc phải trả tiền diện tích đất xây dựng mộ và sau khi bà K biết việc xây mộ từ năm 2006 nhưng cũng không có ý kiến gì về việc phải thanh toán bằng tiền đối với diện tích đất xây dựng ba ngôi mộ. Vì vậy, nay bà K lại yêu cầu phải thanh toán số tiền 20.000.000đồng thì cũng không có căn cứ để chấp nhận. Nên phải bác cả yêu cầu khởi kiện này của bà K đối với ông Đ .

[3]. *Về án phí*: Bà K là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về chi phí tố tụng*: Bà K phải chịu chi phí tố tụng số tiền 1.000.000đồng. Xác nhận bà K đã nộp đủ số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3 và Điều 5 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 45 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K về việc đề nghị ông Nguyễn Danh Đ phải di chuyển ba ngôi mộ xây trên diện tích 5,7m³; tại thửa đất số 974, tờ bản đồ số 08, diện tích 144m², tại khu 01 T (nay là khu T), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Ông Đ không phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị K.

2. *Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị K. Trả lại cho bà Trần Thị K số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003675 ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

3. *Về chi phí tố tụng:* Bà Trần Thị K phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận bà K đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng ngày 16 tháng 10 năm 2020.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu Văn phòng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hán Hưởng